

LÀM THẾ NÀO ĐỂ TẠO ĐỘNG LỰC MỚI CHO HIỆN ĐẠI HÓA VÀ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VIỆT NAM? LỊCH SỬ DÂN TỘC VÀ THỰC TIỄN THỜI ĐẠI ĐÃ CHỨA ĐỰNG LỜI GIẢI CHO BÀI TOÁN VẬN MỆNH

PGS. NGUYỄN THIỆN NHÂN



I. NHỮNG THÀNH TỰU TO LỚN VÀ BÀI TOÁN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA VN SAU MƯỜI NĂM ĐỔI MỚI

Mười năm qua và nhất là năm năm gần đây, nền kinh tế nước ta đã có sự tăng trưởng đáng khích lệ. Đó là kết quả của chính sách đổi mới của Đảng, sự nỗ lực của những người nông dân, công nhân, trí thức, của các giám đốc, của bộ máy quản lý nhà nước và sự đầu tư của nước ngoài. Tuy nhiên, sức cạnh tranh của các doanh nghiệp VN thực tế còn yếu, và ngày càng đáng lưu tâm. Ví dụ, 8 tháng năm 1997, công nghiệp trung ương ở địa bàn TP.HCM chỉ tăng 4,7% so với cùng kỳ năm ngoái, công nghiệp quốc doanh tăng 13%, công nghiệp ngoài quốc doanh thành phố tăng 8,1%, trong khi khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 34,8%.

Ở góc độ quốc gia, tuy nền kinh tế còn duy trì được mức độ tăng trưởng cao, song nhịp độ đã chậm lại. Năm 1995, GDP tăng 9,5%, năm 1996 tăng 9,3%, năm 1997 khoảng 9%, và Quốc hội quyết định mục tiêu tăng trưởng GDP năm 1998 cũng khoảng 9%.

Tốc độ tăng trưởng công nghiệp năm 1997 là 12,3%, trong khi kế

hoạch là 14 - 14,5%, giá trị xuất khẩu tăng 20%, khi kế hoạch là 27%. Các hoạt động dịch vụ tăng 9,5%, so với kế hoạch phải là 12%. Các doanh nghiệp quốc doanh, tuy vẫn đóng góp hơn 47% thuế thu từ sản xuất công nghiệp và dịch vụ, song hiệu quả kinh doanh giảm sút. Năm 1995, tỉ suất lợi nhuận vốn của nhà nước là 19%, năm 1996 còn 11%, xấp xỉ mức 1990. Năm 1995 có 16% doanh nghiệp quốc doanh lỗ, năm 1996 là 22% và năm 1997 đã là 35%. Nếu không có các giải pháp đặc biệt, có tác dụng nhanh, thì tỉ lệ thua lỗ của các doanh nghiệp quốc doanh vào 1998 có thể tới 50%.

Những thành tựu to lớn của mười năm đổi mới một mặt đã chứng minh việc chuyển từ cơ chế quản lý tập trung, bao cấp sang cơ chế thị trường cạnh tranh, đã tạo được động lực mới cho quá trình phát triển.

Mặt khác những khó khăn đang phát sinh và trước áp lực ngày càng tăng của quá trình cạnh tranh toàn cầu, chúng ta có lẽ phải suy nghĩ tiếp tục để tìm lời giải cho bài toán chiến lược phát triển của VN là:

"Làm thế nào để tăng trưởng nhanh, thành công trong cạnh tranh quốc tế, khi mà trình độ của ta còn

thấp và nguồn lực còn rất hạn chế"

II. PHƯƠNG PHÁP GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ: CẦN HÀNH ĐỘNG THEO LỜI TỔNG KẾT CỦA KARL MARX

Do hoàn cảnh lịch sử, dân tộc ta đã trải qua một thế kỷ chiến tranh chống đế quốc xâm lược. Chúng ta bước vào công nghiệp hóa và hiện đại hóa khi mà các nước tiên tiến khác đã bắt đầu quá trình này cách đây 100 - 200 năm. Trong thời đại cạnh tranh và hợp tác toàn cầu hiện nay, bài toán vận mệnh của dân tộc VN không phải chỉ là tăng trưởng kinh tế, mà phải là tăng trưởng nhanh, không phải là tăng trưởng vài năm, mà phải là liên tục, không phải tăng trưởng trong đóng cửa mà là trong mở cửa, cạnh tranh toàn cầu.

Trình độ xuất phát của ta thấp, nguồn lực rất hạn chế, vậy chúng ta có lời giải cho chiến lược phát triển của VN không? Một sự phát triển như vậy là ước mong hiện thực?

Chính lúc này, theo chúng tôi, cần suy ngẫm lời tổng kết của Karl Marx. Ở giữa thế kỷ trước, khi nghiên cứu quá trình lịch sử loài người chuyển từ hình thái xã hội thấp hơn lên một hình thái cao hơn, Marx đã rút ra một nhận định hết sức quan trọng:

Lịch sử chỉ đặt ra những nhiệm vụ phải giải quyết khi mà sự phát triển của lịch sử đã chứa đựng những tiền đề để giải quyết nó.

Như vậy, nếu bài toán vận mệnh đối với phát triển của VN "làm thế nào để tăng trưởng nhanh, thành công trong cạnh tranh quốc tế, khi mà trình độ của ta còn thấp và nguồn lực còn rất hạn chế" là có lời giải thì chắc chắn tiền đề của lời giải đó đã chứa đựng trong các bài học phát triển thành công trong lịch sử dân tộc ta và của các nước khác, trong thực tiễn phát triển hiện nay của ta và thế giới. Nếu như có lúc chúng ta cảm thấy lúng túng, bế tắc thì đó là khó khăn trong quá trình tìm tòi, phát triển, chứ không phải không có lời giải căn bản. Kiên trì theo dõi chỉ dẫn của Marx, phân tích các bài học lịch

sử và thực tiễn hiện nay của dân tộc ta, và của các nước trên thế giới, chắc chắn với trí tuệ của người VN, chúng ta sẽ tìm được cách thức tạo động lực phát triển mới, đủ mạnh để đưa dân tộc phát triển trong thời đại mới. Đây là một công việc rất phức tạp, đòi hỏi sự góp trí, góp lòng của nhiều người. Với khả năng có hạn, chúng tôi xin phác họa một số kiến nghị như sau:

III. ĐI TÌM LỜI GIẢI TỪ PHÂN TÍCH VÀ TỔNG KẾT THỰC TIỄN

Với phương pháp tiếp cận như trên, chúng tôi xin kiến nghị 3 nguyên tắc phát triển như một phần của lời giải cho bài toán phát triển của VN. Ba nguyên tắc đó là:

1. Phát triển theo cơ chế kép

Tạo ra ưu thế cạnh tranh dựa trên đặc điểm dân tộc và thời cơ của thời đại

2. Có bước đi hòa nhập thế giới phù hợp để tránh các tai nạn của cạnh tranh toàn cầu

1. Nguyên tắc phát triển thứ nhất: phát triển kinh tế theo cơ chế kép

a. Lợi ích nào là động lực của phát triển đất nước?

Các nước phát triển Tây Âu và Mỹ đã luôn đề cao lợi ích cá nhân, và thỏa mãn chúng chủ yếu thông qua cơ chế thị trường cạnh tranh. Và họ đã phát triển mạnh. Dân tộc VN trong lịch sử 4000 năm chống ngoại xâm và thiên tai, luôn luôn đề cao lợi ích quốc gia, vì sự sống còn của quốc gia là tiền đề để mỗi cá nhân phát triển. VN đã giữ được nước và phát triển đất nước. Tuy nhiên sau 1975, chúng ta đã chưa coi trọng đúng mức lợi ích cá nhân, cộng với cơ chế tập trung, bao cấp đã làm triệt tiêu một phần quan trọng động lực phát triển. Giờ đây, khi chuyển sang cơ chế thị trường, lợi ích cá nhân được đề cao hơn, và đó đã là một động lực phát triển mạnh mẽ. Song đó không phải là tất cả, và sự phát triển của ta đang có phần chững lại. Nhật Bản và nhiều nước Châu Á vừa nhấn mạnh lợi ích cá nhân vừa nhấn mạnh lợi ích quốc gia. Và, họ đã phát triển nhanh hơn các nước Tây Âu, Mỹ. Những thực tế khách quan đó cho ta cơ sở để khẳng định: kết hợp đồng thời lợi ích cá nhân và lợi ích quốc gia sẽ tạo động lực lớn nhất cho phát triển lâu dài.

b. Cơ chế nào cho phép sử dụng tài nguyên nguồn lực tối ưu?

Trong thời kỳ kế hoạch tập trung, bao cấp, đã thường xuyên xảy ra tình trạng nhiều hàng hóa khan hiếm thì không được gia tăng sản xuất, một số hàng không có nhu cầu thì vẫn được sản xuất và phân phối theo kế hoạch. Rõ ràng là nguồn lực của xã hội không được sử dụng hợp lý. Ở các nước phát triển Tây Âu và Mỹ, người ta còn coi cơ chế thị trường là cách thức chủ yếu để sử dụng nguồn

lực xã hội tối ưu. Vai trò này của cơ chế thị trường được thực hiện qua hai loại quan hệ: quan hệ cung cầu và quan hệ cạnh tranh. Theo quan hệ cung cầu, ở ngành nào, mặt hàng nào mà cầu lớn, cung ít, thì giá cả sẽ cao, tỉ suất lợi nhuận cao. Điều này sẽ thu hút nhiều nhà doanh nghiệp đầu tư vào ngành đó, mặt hàng đó. Và cung tăng lên thì giá sẽ giảm là tín hiệu cho các doanh nghiệp biết cần giảm bớt đầu tư. Quan hệ cạnh tranh của cơ chế thị trường có vai trò hết sức quan trọng đảm bảo hiệu quả sử dụng tài nguyên cao. Trong khi về pháp lý, mọi doanh nghiệp đều có quyền tự do kinh doanh, thì trong cạnh tranh thực tế, chỉ có các doanh nghiệp có chi phí thấp, có chất lượng cao mới có lợi nhuận và tồn tại tiếp tục. Còn các doanh nghiệp có chi phí cao, chất lượng kém sẽ bị cạnh tranh đào thải. Hiện nay, bình quân sau 6 năm từ khi ra đời, 50% các công ty mới ở Mỹ bị phá sản, sau 10 năm thì 80% đã phá sản. Việc đóng cửa các doanh nghiệp có chi phí cao, chất lượng kém là chấm dứt việc sử dụng tài nguyên của xã hội một cách lãng phí.

Tuy nhiên, thực tế ở Nhật Bản và nhiều nước Châu Á khác đã cho thấy các nguồn tài nguyên xã hội còn được sử dụng và khai thác có hiệu quả bởi một cơ chế khác, đó là hợp tác và liên kết để cùng phát triển và làm cho quốc gia phát triển nhanh. Sự hợp tác giữa các doanh nghiệp và nhà nước, giữa các doanh nghiệp và trường đại học, giữa chính phủ và nhân dân là một phương thức rất quan trọng để khai thác, sử dụng tài nguyên tối ưu, tạo nên các yếu tố đầu vào mới cho phát triển quốc gia. Cơ chế phi thị trường này đặc biệt dễ thực hiện và phát huy tác dụng ở các nước mà về mặt văn hóa, có tinh thần cộng đồng cao và đề cao giá trị quốc gia. Đối với nước ta, sức mạnh vĩ đại của đoàn kết, liên kết, hợp tác đã là một cơ chế phát triển dân tộc suốt mấy ngàn năm. Tuy nhiên, khi chuyển sang cơ chế thị trường, thì cơ chế phi thị trường này đã bị xem nhẹ. Sự phân tán, cục bộ, chia cắt trong quản lý trở thành hiện tượng phổ biến, và đã làm suy yếu một cơ chế phát triển hết sức hiệu quả. Từ những thực tế trên, chúng ta có thể rút ra bài học: kết hợp cơ chế thị trường cạnh tranh và cơ chế liên kết, hợp tác toàn xã hội mà nhà nước là hạt nhân chính, là phương thức cho phép sử dụng tài nguyên, nguồn lực tối ưu.

c. Nguồn lực ở đâu cho phát triển quốc gia?

Trong chống Mỹ xâm lược chúng ta đã có bài học thành công quý giá là kết hợp và phát huy sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại. Ngày nay, bài học đó vẫn giữ nguyên giá trị. Hơn

nữa, trong bối cảnh cạnh tranh và hợp tác toàn cầu hiện nay, sức mạnh thời đại đã có những nội dung mới. Ví dụ, hai loại nguồn vốn hết sức quan trọng đối với một quốc gia là tri thức - thông tin và tiền vốn. Với hệ thống viễn thông toàn cầu (Internet, Intranet) các doanh nghiệp, mỗi nhà khoa học, mỗi nhà quản lý, mỗi người dân có thể nhanh chóng cập nhật kiến thức, thông tin, từ đó làm cho khả năng và hiệu quả ra quyết định của mình cao hơn rất nhiều. Mặc dù bình quân cả nước mới có 2,5 điện thoại trong 100 người dân, song tất cả các nhà quản lý, các nhà khoa học có thể đối thoại với cả thế giới qua mạng internet. Với việc VN tham gia AFTA, chuẩn bị gia nhập WTO thì giờ đây, cả thế giới đang dần trở thành thị trường tiềm tàng của VN. Nông sản thực phẩm của VN, công suất các nhà máy của VN không chỉ nhằm vào nhu cầu của 75 triệu người VN, mà là của hàng tỉ người trên thế giới. Và mỗi người mua hàng của VN trên thế giới chính là một người cung cấp vốn đầu tư cho VN hiện đại hóa và công nghiệp hóa đất nước. Bởi vì, chính từ tiền thu được do bán hàng này, chúng ta có thể trang trải các khoản vay nước ngoài để đầu tư phát triển.

Thực tế khảo sát 30 đơn vị hiện đại hóa thành công ở TP.HCM 1991 - 1997 cho thấy, hầu hết các đơn vị đã hiện đại hóa hệ thống thiết bị của mình mà phần vốn nhà nước hỗ trợ rất ít. Bởi vì chính các nhà bán thiết bị nước ngoài là người cấp vốn, khi họ chấp nhận bán trả chậm (phụ lục 1: Sáu bài học sâu sắc nhất từ 30 đơn vị hiện đại hóa thành công giai đoạn 1991- 1997)

Chúng ta hiện đại hóa, công nghiệp hóa chậm hơn nhiều nước hàng chục, hàng trăm năm, song giờ đây, trong thời đại cạnh tranh và hợp tác toàn cầu, lại có cơ hội rất đặc biệt: hàng vạn các công ty bán máy móc, thiết bị và hàng trăm triệu, hàng tỉ người tiêu dùng khắp thế giới chính là những người có thể cấp vốn cho ta hiện đại hóa, công nghiệp hóa đất nước. Đây là thời cơ phát triển chỉ mới xuất hiện 6 - 7 năm nay, khi chiến tranh lạnh trên thế giới kết thúc, Mỹ bỏ cấm vận VN và chúng ta gia nhập AFTA.

Tóm lại, nguồn lực cho phát triển quốc gia là kết hợp các nguồn lực dân tộc với nguồn lực và thời cơ của thời đại cạnh tranh và hợp tác toàn cầu.

Từ các phân tích ở trên, chúng ta có thể kiến nghị nguyên tắc phát triển thứ nhất cho bài toán vận mệnh của kinh tế VN hiện nay là:

1. Động lực phát triển: lợi ích cá nhân và lợi ích quốc gia

2. Sử dụng nguồn lực tối ưu: cơ chế

thị trường cạnh tranh và cơ chế liên kết, hợp tác toàn xã hội mà nhà nước là hạt nhân

Nguồn lực phát triển: nguồn lực dân tộc và nguồn lực, thời cơ của thời đại

2 Nguyên tắc phát triển thứ hai: tạo ra ưu thế cạnh tranh dựa trên đặc điểm dân tộc và thời cơ của thời đại

Trong quá trình cạnh tranh, ưu thế cạnh tranh của một sản phẩm dựa vào:

· Giá trị sử dụng của sản phẩm (sự hữu ích, khả năng thỏa mãn nhu cầu)

· Giá bán

· Cách thức tổ chức tiêu thụ sản phẩm (quảng cáo, bán hàng, dịch vụ sau bán)

Doanh nghiệp nào tạo ra sản phẩm có giá trị sử dụng càng độc đáo bao nhiêu, càng khó bị bắt chước bao nhiêu thì càng có cơ hội ưu thế trong cạnh tranh. Sự độc đáo này bắt nguồn từ 3 cơ sở:

* Sự kết tinh tri thức, sáng tạo trong thiết kế sản phẩm.

* Sự hiện đại, phù hợp của công nghệ sản xuất đối với yêu cầu của thiết kế sản phẩm, tính hiệu quả của công nghệ.

* Sự độc đáo của nguyên liệu (nhân tạo hoặc có gốc tự nhiên), hay vị trí địa lý, không gian của nơi cung cấp dịch vụ, sản phẩm.

Công nghệ sản xuất được hiểu ở đây gồm 4 yếu tố cấu thành: thiết bị, người lao động, quản lý và thông tin.

Thực tế trong nước và cộng đồng người Việt ở nước ngoài đã chứng minh là: Người VN thông minh, cần cù, khéo léo. Hơn 70 triệu người Việt với phẩm chất như vậy chính là tài nguyên lớn nhất của nước ta, cho phép tạo ra các sản phẩm có tính cạnh tranh cao, mặc dù trình độ kỹ thuật của ta còn hạn chế.

Tài nguyên lớn thứ hai của ta là đất đai, biển, khí hậu nhiệt đới, vị trí địa lý và một số tài nguyên lòng đất như dầu khí, quặng sắt, than.

Ưu thế về con người của ta là cái mà trong quá trình cạnh tranh quốc tế, các đối thủ không thể bắt chước được. Đặc điểm về đất đai, biển, khí hậu, vị trí địa lý và tài nguyên lòng đất là các ưu thế mà trong nhiều trường hợp, các đối thủ cũng không thể có được.

Trong thời đại cạnh tranh và hợp tác toàn cầu hiện nay, sự quốc tế hóa và tự do hóa về tri thức, thông tin, công nghệ, vốn và thị trường đang trở thành các thời cơ phát triển và tiềm lực có thể khai thác của ta.

Vì vậy, để có thể tăng trưởng nhanh, cạnh tranh thắng lợi trong thời đại hiện nay, khi mà trình độ xuất phát của kinh tế nước ta còn thấp, thì cần tập trung khai thác các ưu thế cạnh tranh dựa trên đặc điểm dân tộc và khai thác thời cơ của thời đại.

3. Nguyên tắc thứ ba: Có bước đi và chuẩn bị hòa nhập thế giới phù hợp để tránh bị các tai nạn của cạnh tranh toàn cầu

Trong quá trình cạnh tranh và hợp tác toàn cầu hiện nay, cho dù nhiều quốc gia thừa nhận công khai

Ngân hàng thế giới và Quỹ tiền tệ quốc tế IMF nhưng lại xin bảo lưu không thực hiện điều 8 qui định của IMF là các nước thành viên không được hạn chế việc mua bán và chuyển ngoại tệ. Gần 12 năm sau, Nhật mới thực hiện quy định này. Năm 1955 Nhật gia nhập Hiệp định chung về thuế và mậu dịch (GATT), nhưng lại xin hoãn thi hành điều 11 của tổ chức này là cấm các thành viên hạn chế nhập khẩu vì lý do bị nhập siêu. Tám năm sau Nhật mới thực hiện điều khoản này. Đó là quỹ thời gian Nhật tiến hành một chương trình tự do hóa nhập khẩu rất thận trọng, tỉ mỉ.

Song song với việc tự do hóa từng bước thương mại, Nhật cải cách luật thuế vào năm 1961 và sử dụng thuế làm công cụ bảo hộ các ngành công nghiệp còn yếu so với nước ngoài. Mức

thuế tùy thuộc vào khả năng cạnh tranh của từng ngành. Chính phủ công bố thời khóa biểu giảm dần mức thuế, tạo áp lực để các doanh nghiệp cố gắng vươn lên trong một giai đoạn tương đối ngắn. Năm 1964, Nhật gia nhập Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) song lại xin hoãn thi hành việc tự do hóa đầu tư của nước ngoài ở Nhật. Từ đó đến năm 1973, Nhật đã 5 lần nối lỏng sự hạn chế đầu tư nước ngoài ở Nhật. Trong các năm 1967, 1969 và 1970, Nhật

tăng dần số ngành mà nước ngoài có thể đầu tư, bắt đầu là những ngành mà các doanh nghiệp trong nước đã có thể cạnh tranh hoặc các ngành mà nước ngoài hầu như không muốn đầu tư. Đến năm 1971, Nhật đưa một danh sách các ngành cấm nước ngoài đầu tư. Và đến năm 1973, chỉ còn 22 ngành bị cấm nước ngoài đầu tư. Như vậy, trong vòng 20 năm (1952-1973), Nhật một mặt đã gia nhập tất cả các tổ chức kinh tế, tài chính quốc tế quan trọng để thu hút các nguồn lực và tạo các điều kiện ưu đãi cho phát triển kinh tế của mình thì đồng thời khéo léo từ chối không thực hiện các ràng buộc bất lợi cho mình.

Năm 2003 chúng ta sẽ thực hiện AFTA từng phần, và 2006 thực hiện hoàn toàn. Chúng ta cũng đang chuẩn bị để xin gia nhập WTO. Như vậy, rõ ràng chúng ta cần có một sự chuẩn bị và bước đi phù hợp để khai thác các thời cơ, vừa tránh được các tai nạn của cạnh tranh và hợp tác toàn cầu

(Còn tiếp)



nhu cầu hợp tác vì phát triển chung của nhân loại, công nhận chủ quyền của các nước khác, song suy cho cùng, mỗi quốc gia trước hết phải chăm lo cho vận mệnh, phồn vinh của nước mình. Thực tế đã chỉ ra rằng, nhiều nước đã dùng mọi thủ đoạn, biện pháp để tiêu diệt các đối thủ cạnh tranh: từ bán phá giá, tình báo kinh tế, đến mua chuộc quan chức chính phủ, gian lận thương mại, gây sức ép chính trị... Đặc biệt khi tiềm lực kinh tế của ta còn nhỏ bé như hiện nay, các thủ đoạn trên có thể gây các tai nạn to lớn cho quốc gia. Vì vậy, khi giảm thuế, tháo bỏ các hàng rào thương mại quốc tế khác, khi quốc tế hóa văn hóa và thông tin, chúng ta phải có bước đi và sự chuẩn bị phù hợp.

Hãy xem chính phủ Nhật Bản đã làm gì để vừa thu hút các nguồn lực quốc tế cho phát triển trong nước, vừa bảo vệ cho nền công nghiệp của mình không phải cạnh tranh quá sớm với các công ty nước ngoài khi chưa đủ mạnh. Năm 1952, Nhật gia nhập